



Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2006

BÁO CÁO
ĐÌNH LĨNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN NĂM 2006
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2007

Năm 2007 là năm thứ hai của kế hoạch 5 năm 2006 — 2010, năm có ý nghĩa quan trọng, tạo tiền đề cho việc thực hiện đạt và vượt kế hoạch 5 năm phát triển ngành. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm điểm kết quả đạt được trong năm 2006 và xác định các chương trình chủ yếu cần tập trung triển khai trong năm 2007, trên cơ sở này các địa phương, doanh nghiệp và các đơn vị thuộc ngành chủ động triển khai thực hiện các mục tiêu kế hoạch năm 2007.

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ SẢN XUẤT NĂM 2006

Năm 2006, ngành Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức như: Dịch bệnh diễn biến phức tạp, bão lũ thất thường nhất là ở các tỉnh miền Trung và Nam Bộ; giá vật tư đầu vào tăng cao... Tuy vậy, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Chính phủ, vận dụng những kinh nghiệm qua nhiều năm, với tinh thần sáng tạo, vượt khó khăn, nỗ lực phấn đấu, Bộ cùng với các địa phương đã triển khai nhiều biện pháp thích hợp để hạn chế tối đa những tác động tiêu cực, chủ động tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu nên nông nghiệp, nông thôn năm 2006 đạt được nhiều kết quả quan trọng, tiếp tục phát triển tương đối toàn diện, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP 2006

Năm qua, mặc dù gặp phải nhiều khó khăn gay gắt, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp tiếp tục phát triển. Ước tính giá trị sản xuất nông nghiệp (theo giá so sánh 1994) tăng 3,47%; trong đó trồng trọt tăng 2,7%, chăn nuôi: 7,3%, lâm nghiệp: 1,2%, dịch vụ nông nghiệp: 2,7%. Tổng sản phẩm trong nước khu vực nông, lâm nghiệp tăng 2,77% (nông nghiệp: 2,84%, lâm nghiệp: 1,14%).

1. Lĩnh vực trồng trọt: Do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, sản lượng một số loại cây trồng giảm nhưng vẫn có những sản phẩm tăng mạnh. Tiến trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất tiếp tục được đẩy mạnh.

Năm 2006 cả nước gieo trồng khoảng 7,32 triệu ha lúa, giảm 4,8 nghìn ha so với năm 2005; năng suất bình quân 48,9 tạ/ha, tương đương năm trước; tổng sản lượng ước đạt 35,83 triệu tấn, giảm 6,1 nghìn tấn (miền Bắc tăng 5,5%, miền Nam giảm 2,9%).

Sản lượng ngô ước đạt 3,82 triệu tấn, tăng 32,3 nghìn tấn, chủ yếu do năng suất tăng 1 tạ/ha trong khi diện tích giảm 21 nghìn ha.

Sản xuất các cây công nghiệp nhìn chung tăng trưởng khá: Sản lượng mía ước đạt 15,7 triệu tấn, tăng 4,9%; chè búp: 612 nghìn tấn, tăng 7,4%; cà phê: 853,5 nghìn tấn, tăng 13,5%; cao su: 546 nghìn tấn, tăng 13,4%; hồ tiêu: 82,6 nghìn tấn, tăng 2,9%.

Sản xuất đậu tương, lạc và điều giảm sút một phần do điều kiện thời tiết không thuận lợi. Sản lượng đậu tương ước đạt 258 nghìn tấn, giảm 11,8% so với năm trước (diện tích giảm 9%, năng suất giảm 3%); lạc: 465 nghìn tấn, giảm 5% (do diện tích giảm 7,5%); hạt điều: 235,4 nghìn tấn, giảm 2%.

Tổng diện tích cây ăn quả ước đạt 774,4 ngàn ha, tăng 7 nghìn ha, chủ yếu tăng diện tích trồng cây đặc sản có giá trị hàng hoá cao.

2. Chăn nuôi: Do ảnh hưởng dịch cúm gia cầm và bệnh lở mồm, long móng (LMLM) nên số lượng lợn và gia cầm giảm so với cùng kỳ năm 2005 nhưng mức giảm không lớn; đàn bò tăng mạnh. Công tác phòng chống dịch bệnh được triển khai quyết liệt

Theo số liệu điều tra 01/8/2006 cho thấy, đàn lợn cả nước đạt 26,86 triệu con, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước.

Chăn nuôi bò phát triển mạnh ở nhiều địa phương trong cả nước. Tổng đàn đạt trên 6,5 triệu con, tăng gần 17,5%. Đàn trâu 2,92 triệu con, xấp xỉ mức năm 2005.

Đàn gia cầm 214,6 triệu con, giảm 2,4% so cùng năm trước.

Sản lượng thịt hơi các loại cả năm ước đạt 3,1 triệu tấn, tăng 9,3% so với năm 2005. Trong đó, thịt lợn hơi 2,5 triệu tấn, tăng 9,5%; thịt trâu: 64,3 nghìn tấn, tăng 7,5%; thịt bò: 159,5 nghìn tấn, tăng 12%; sản lượng sữa: 216 nghìn tấn, tăng 9,2%; gia cầm 344,4 nghìn tấn, tăng 7%.

3. Lâm nghiệp có chuyển biến. Dự án 5 triệu ha rừng được tiếp tục thúc đẩy tiến độ thực hiện; công tác bảo vệ và phát triển rừng được tăng cường

Năm 2006 tổng số vốn đầu tư cho Dự án 661 là 1.910 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách TW đầu tư 610 tỷ, vốn vay và các nguồn vốn khác 1.300 tỷ, tăng gần gấp đôi so với năm 2005.

Diện tích khoán bảo vệ rừng cả năm ước đạt 2,7 triệu ha, khoanh nuôi tái sinh 911,4 nghìn ha, trồng rừng tập trung 184 nghìn ha; chăm sóc rừng trồng 487

nghìn ha; trồng cây phân tán khoảng 202,5 triệu cây. Các địa phương đã và đang tiến hành rà soát điều chỉnh lại 3 loại rừng theo tiêu chí mới; thực hiện giao đất khoán rừng cho các hộ gia đình, làng, xã, thôn, bản.

Tổng số vụ vi phạm lâm luật trong năm 2006 gần 32.500 vụ; trong đó trên 4.000 vụ phá rừng trái phép; khai thác gỗ và lâm sản gần 3.300 vụ và trên 25.000 vụ vi phạm khác. Diện tích rừng bị thiệt hại do cháy hơn 2.079 ha (so với trên 6.744 ha năm 2005), do phá rừng trái phép gần 2.541 ha (so với trên 3.344 ha năm 2005).

4. Sản xuất muối tiếp tục được đầu tư nâng cao chất lượng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước

Năm 2006, diện tích sản xuất muối trên 11,5 nghìn ha, sản lượng muối ước đạt 850 nghìn tấn, giảm gần 100 nghìn tấn so với năm 2005 do mưa nhiều ở miền Trung. Một số doanh nghiệp đã đầu tư vào công nghiệp rửa và tinh chế muối sạch, tăng lượng muối xuất khẩu. Năm 2006 xuất khẩu khoảng 50 nghìn tấn muối.

5. Công nghiệp chế biến nông lâm sản, ngành nghề nông thôn, cơ khí hóa nông nghiệp tiếp tục phát triển

Giá trị sản xuất công nghiệp chế biến nông lâm sản của các doanh nghiệp thuộc Bộ năm 2006 đạt trên 8,6 nghìn tỷ đồng, tăng 6,7% so với năm trước; trong đó, chế biến lương thực tăng 8,3%, đường tăng 5,6%, nông lâm sản, thực phẩm tăng 4,7%.

Năm 2006 là năm đầu triển khai Chương trình mỗi làng mỗi nghề, các địa phương và cơ sở hưởng ứng rất tích cực. Cả nước hiện có khoảng 2.200 làng nghề, tăng gần 200 làng nghề so với năm 2005, thu hút khoảng 1,5 triệu hộ (tăng trên 100 nghìn hộ). Nhiều địa phương có số lao động ngành nghề tăng nhanh, điển hình như Yên Bái (tăng 15%), Hà Tây (13%), Bình Dương (20%)...

Nhiều khâu sản xuất, chế biến nông, lâm sản đạt tỷ lệ cơ giới hóa cao, như: tưới tiêu nước trên 90%, làm đất trên 70%, tuốt lúa trên 90%, vận chuyển 75%, xay xát 95%... Các khâu thi công xây dựng các công trình thủy lợi đã được cơ giới hóa 100%.

II. TIÊU THỤ VÀ XUẤT KHẨU NÔNG LÂM SẢN

1. Thị trường hầu hết các loại nông, lâm sản trong nước có lợi cho nông dân

Nhìn chung, năm 2006 việc tiêu thụ nông lâm sản hàng hoá trên thị trường nội địa khá thuận lợi. Nông dân bước đầu đã tiếp cận được thông tin thị trường, tập trung đầu tư phát triển các loại sản phẩm có lợi thế, có thị trường tiêu thụ, được giá. Đồng thời, Chính phủ có nhiều biện pháp bình ổn các mặt hàng vật tư, phân bón, đảm bảo sản xuất cho nông dân. Môi trường kinh doanh nội địa từng bước cải thiện với sự tham gia tích cực của mọi thành phần kinh tế.

Giá nhiều loại nông sản hàng hoá ở mức khá cao, có lợi cho người sản xuất. Vùng ĐBSH, giá lúa dao động trong khoảng 2.700 — 3.000 đ/kg; vùng ĐBSCL phổ biến ở mức 3.000 — 3.100 đồng/kg, lúc cao nhất lên tới 3.300 đ/kg. Giá các mặt hàng cà phê, hạt tiêu trong nước tăng mạnh do ảnh hưởng của cung cầu và xu hướng tăng giá trên thị trường thế giới. Giá hạt tiêu lúc cao nhất đạt 45.000 đ/kg (tăng 25.000đ/kg so với đầu năm), những tháng cuối năm giảm còn khoảng 33.000 — 35.000 đ/kg. Giá cà phê thời điểm cao nhất đạt 25.000 đ/kg (tăng 7.000đ/kg so với đầu năm), hiện biến động trong khoảng 21.000 - 22.500 đ/kg. Giá mủ cao su tươi khoảng 25.000 — 26.000 đ/kg, so với mức 20.000 — 21.000 đ/kg năm 2005.

2. Xuất khẩu hàng nông, lâm sản tăng mạnh, một số mặt hàng chủ lực tăng cả về lượng và giá trị

Tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm sản năm 2006 ước đạt 7,16 tỷ USD, tăng 19,7% so với năm trước. Những mặt hàng xuất khẩu chủ lực như gạo, cà phê, hạt tiêu, điều nhân, cao su tiếp tục khẳng định vị thế trên thị trường thế giới. Các mặt hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD gồm cao su, gạo, cà phê; riêng xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt trị giá gần 2 tỷ USD. Một số mặt hàng xuất khẩu tăng trưởng cả về lượng và kim ngạch như cao su, chè, hạt điều, hạt tiêu. Giá mặt hàng chè, điều nhân giảm nhưng do lượng xuất khẩu tăng nên kim ngạch vẫn tăng hoặc xấp xỉ năm trước. Riêng mặt hàng cà phê tuy lượng giảm nhẹ nhưng kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng 45,6% do giá tăng mạnh.

Kết quả cụ thể một số mặt hàng chủ yếu như sau:

- Gạo xuất khẩu cả năm ước đạt gần 4,7 triệu tấn, kim ngạch đạt gần 1,3 tỷ USD; so với năm 2005, giảm 10,5% về lượng và 8,3% về giá trị.
- Cà phê ước xuất khẩu 887 nghìn tấn, kim ngạch đạt 1,08 tỷ USD; giảm 0,6% về lượng nhưng tăng 47,8% về giá trị.
- Cao su: ước xuất khẩu 717 nghìn tấn, kim ngạch trên 1,3 tỷ USD; tăng 22% về lượng và 62,5% về giá trị.
- Chè: ước cả năm xuất khẩu 103 nghìn tấn, kim ngạch 108 triệu USD; tăng 17% về lượng và 12% về giá trị.
- Hạt điều: ước xuất khẩu 126 nghìn tấn, kim ngạch 504 triệu USD; tăng 16,2% về lượng và 0,5% về giá trị (do giá xuất khẩu giảm 13,5%).
- Hồ tiêu: ước cả năm xuất khẩu 119 nghìn tấn, kim ngạch đạt 198 triệu USD; tăng 9,3% về lượng và 31,5% về giá trị (do giá xuất khẩu tăng 20,3%).
- Rau quả các loại: ước kim ngạch xuất khẩu cả năm đạt 260 triệu USD, tăng 10,5% so với năm 2005.
- Lâm sản: ước cả năm xuất khẩu đạt 2,16 tỷ USD, tăng 21% so với năm 2005; riêng sản phẩm gỗ ước đạt 1,92 tỷ USD, tăng 23%.

III. THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Năm 2006 Bộ Nông nghiệp và PTNT được cân đối 1.995,6 tỷ đồng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, trong đó vốn trong nước 1.106,6 tỷ đồng, vốn nước ngoài 889 tỷ đồng; vốn trái phiếu Chính phủ 1.947 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện như sau:

a. *Về vốn ngân sách tập trung*: Ước thực hiện cả năm đạt 2.258 tỷ đồng, đạt 113% kế hoạch, trong đó:

- Thủy lợi: Ước thực hiện cả năm 1.223 tỷ đồng, đạt 102% KH.
- Về nông nghiệp: Ước thực hiện 194 tỷ đồng, đạt 76,3% KH.
- Lâm nghiệp: Ước thực hiện 530 tỷ đồng, vượt 210% KH.
- Các ngành khác: Ước thực hiện vốn cả năm của khối khoa học công nghệ đạt 75,6% KH; khối giáo dục đào tạo: 91,2%; các ngành khác: 93%; các Chương trình mục tiêu: 70,4%; vốn thiết kế quy hoạch và vốn chuẩn bị đầu tư đạt kế hoạch.

b. *Vốn trái phiếu Chính phủ*: Kế hoạch (điều chỉnh) là 1.947 tỷ đồng. Ước thực hiện cả năm 1.504 tỷ đồng, đạt 77% KH.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Đã có bước chuyển biến mới trong tổ chức lại sản xuất nông lâm nghiệp

Theo kết quả tổng hợp từ các địa phương, năm 2006 trên 200 HTX và trên 1.000 tổ kinh tế hợp tác được thành lập mới. Đến nay, cả nước đã cơ bản hoàn thành chuyển đổi hợp tác xã cũ theo Luật và thành lập mới 1.739 HTX, đưa tổng số HTX lên 7.310 HTX, trong đó 7.056 HTX nông nghiệp chiếm 96,5%, 235 HTX thủy sản chiếm 3,2%, 19 HTX lâm nghiệp.

Các địa phương tiếp tục triển khai việc cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại. Đến cuối năm 2006, cả nước có khoảng 113.730 trang trại; giá trị sản xuất ước đạt 18.031 tỷ đồng, tạo việc làm thường xuyên cho gần 400 ngàn lao động thường xuyên và 100 ngàn lao động thời vụ.

Năm qua, Bộ tiếp tục thực hiện chương trình đổi mới, sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Đã hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới hoạt động 104 doanh nghiệp; trong đó cổ phần hóa 58 doanh nghiệp, bán, khoán và cho thuê 12 doanh nghiệp, giải thể 9 doanh nghiệp, cơ cấu lại 22 doanh nghiệp, phá sản 3 doanh nghiệp, cổ phần hóa 4 tổng công ty, chuyển sang mô hình Công ty mẹ - công ty con 12 tổng công ty và 1 công ty trực thuộc Bộ. Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định phê duyệt đề án đổi mới Tổng công ty Cao su và Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị và Nghị định về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh, Bộ đã tổ chức thẩm định

phương án sắp xếp, đổi mới nông lâm trường cho 49/52 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (3 tỉnh đã tiến hành sắp xếp cùng với các doanh nghiệp nhà nước).

2. Đã có cố gắng lớn trong công tác quy hoạch, điều chỉnh dân cư và di dân tái định cư Thủy điện Sơn La

- Về di dân: Năm 2006 thực hiện di dân 29.600 hộ, đạt 100% kế hoạch; khai hoang đưa vào sản xuất nông, lâm nghiệp trên 10.000 ha.

- Về ổn định dân di cư tự do: Kết quả thực hiện năm 2006 ước đạt 95% kế hoạch. Đối với các dự án di dân khẩn cấp ở vùng bị thiên tai, các Vườn quốc gia, rừng phòng hộ, đặc dụng, ngoài vốn đầu tư theo kế hoạch, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 895/QĐ-TTg ngày 23/06/2006 bổ sung 39,5 tỷ đồng từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương hỗ trợ 9 tỉnh thực hiện dự án di dân, tái định cư khỏi vùng sạt lở đất.

- Về công tác di dân nhà máy thủy điện Sơn La: Năm qua, hoàn thành cơ bản công tác chuẩn bị địa bàn tái định cư cho 5.787 hộ dân theo kế hoạch. Ước cả năm 2006, thực hiện di dân 3.315 hộ, trong đó Sơn La: 2.076 hộ, Lai Châu: 639 hộ, Điện Biên: 600 hộ. Tổng số vốn thực hiện trong hai năm 2005 – 2006 là 1.867 tỷ đồng, đạt 51% kế hoạch.

3. Triển khai tích cực nhiệm vụ về xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm ở nông thôn

Năm 2006 Chương trình Giảm nghèo được cân đối 59,2 tỷ đồng; trong đó các địa phương 36,8 tỷ đồng, các Bộ, ngành 22,4 tỷ đồng (riêng Bộ Quốc phòng 21,6 tỷ đồng). Bộ đã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương ưu tiên đầu tư cải tạo đồng ruộng, thủy lợi nhỏ, hỗ trợ giống, lồng ghép các dự án để tăng đầu tư thủy lợi, nước sạch, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, hướng dẫn nông dân phát triển sản xuất.

Trước yêu cầu của tình hình mới về chất lượng lao động đáp ứng cho các khu công nghiệp, các làng nghề, Bộ đã giao cho các trường Trung học, dạy nghề tăng cường đào tạo nghề cho nông dân; thông qua khuyến nông, các dự án hỗ trợ của nước ngoài để tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng tay nghề cho lao động nông thôn.

Để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, khuyến khích các cá nhân, tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 66/2006/NĐ-CP thay Quyết định 132/2001/QĐ-TTg. Đồng thời xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ Chương trình phát triển mỗi làng mỗi nghề, nhằm tạo thêm nhiều việc làm và tăng thu nhập cho khu vực nông thôn.

4. Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn hoàn thành kế hoạch đề ra

Tổng vốn thực hiện năm 2006 của Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn ước đạt 1.807 tỷ đồng; trong đó ngân sách hỗ trợ 353 tỷ đồng

(đạt 100% KH), viện trợ quốc tế 254 tỷ đồng (94% KH), vốn tín dụng ưu đãi 400 tỷ đồng (80% KH), địa phương và dân đóng góp 800 tỷ đồng (101% KH).

Chương trình đã đầu tư tạo thêm nguồn nước sạch cho khoảng 2,7 triệu người (tăng 4% so với năm 2005), nâng tỷ lệ người dân nông thôn dùng nước sạch năm 2006 lên 66%. Số hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh tăng khoảng 2%, nâng tỷ lệ hộ nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh lên 52%.

5. Đánh giá chung

Nhìn chung năm 2006 là một năm toàn ngành thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện khó khăn, thách thức lớn: bão lũ, dịch bệnh diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trên diện rộng, gây tổn thất lớn về người, tài sản và sản xuất nông nghiệp, giá cả vật tư tăng cao... Nhưng năm qua cũng là năm ngành Nông nghiệp và PTNT tiếp tục phát triển tương đối toàn diện, định hướng phát triển rõ hơn đối với các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hướng mạnh ra xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế chung của đất nước và ổn định tình hình chính trị — xã hội, tạo đà phát triển mạnh hơn vào các năm tiếp theo.

Tuy vậy, kết quả thực hiện năm 2006 cũng bộc lộ một số tồn tại và yếu kém, nhất là:

- Sản xuất nông nghiệp tiềm ẩn nhiều yếu tố kém bền vững. Dịch bệnh diễn biến hết sức phức tạp nhưng nhiều địa phương còn chủ quan, mất cảnh giác. Tình trạng không an toàn vệ sinh thực phẩm khá nghiêm trọng. Nạn phá rừng, khai thác gỗ lậu, buôn bán động vật hoang dã vẫn còn bức xúc.

- Sản xuất của các doanh nghiệp trực thuộc Bộ có mức tăng trưởng thấp. Tiến độ sắp xếp, đổi mới và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn chậm so với yêu cầu. Việc đổi mới các nông, lâm trường, phát triển các HTX chậm và chưa phát huy vai trò thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển; đầu tư tư nhân còn thấp.

- Trồng rừng kinh tế phát triển chậm, còn nặng tính quảng canh.

- Thủy lợi vẫn nặng về xây dựng cơ bản. Việc nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nước chậm được đổi mới.

- Việc triển khai thực hiện Chương trình nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ của ngành vẫn chưa có chuyển biến đáng kể. Nhiều chương trình, đề tài chậm được triển khai.

- Phát triển nông thôn thiếu giải pháp đồng bộ, chưa huy động cao sự tham gia của người dân.

- Cải cách hành chính tiến hành chậm. Bộ máy quản lý ngành còn nhiều bất cập, chậm được đổi mới. Công tác chống tham nhũng, chống lãng phí; thực hành tiết kiệm chậm có chuyển biến rõ nét.

Những tồn tại nêu trên đòi hỏi những nỗ lực to lớn của toàn ngành để sớm khắc phục, tạo ra sự chuyển biến mạnh và đồng bộ trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn trong những năm tới.

PHẦN THỨ HAI

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU ĐỀ RA NĂM 2007

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU NĂM 2007

1. Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng nông — lâm nghiệp 3%/năm (nông nghiệp 2,9 — 3%, lâm nghiệp trên 1%).
2. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp: Trồng trọt 68%, chăn nuôi 26%, ngành nghề và dịch vụ khác 6%.
3. Kim ngạch xuất khẩu nông lâm sản 7,4 tỷ USD.
4. Khoán bảo vệ rừng 2 triệu ha, khoanh nuôi tái sinh rừng 703 nghìn ha, trồng rừng tập trung 200 nghìn ha, trong đó trồng rừng sản xuất 150 nghìn ha, trồng cây phân tán 200 triệu cây.
5. Tỷ lệ dân nông thôn được dùng nước sạch 70% (tăng 4%).
6. Sản lượng muối đạt 1,1 triệu tấn.

II. CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN

1. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng kết hợp thâm canh tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất

Hướng chủ yếu phát triển nông lâm nghiệp năm 2007 là: Tập trung đầu tư, phát triển các loại sản phẩm có lợi thế, có thị trường xuất khẩu, đảm bảo hiệu quả và tính bền vững. Theo hướng đó, việc bố trí sản xuất như sau:

Về sản xuất lương thực, tập trung thực hiện các biện pháp thâm canh đồng bộ, mở rộng diện tích lúa lai ở các tỉnh miền Bắc và lúa chất lượng cao, để tăng năng suất, nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất lúa. Tích cực phòng chống dịch bệnh cây trồng, nhất là rầy nâu, vàng lùn và lùn xoắn lá trên cây lúa.

Dự kiến diện tích gieo trồng lúa 7,2 triệu ha, sản lượng 36 triệu tấn; đảm bảo an ninh lương thực trong nước và xuất khẩu 4 triệu tấn gạo. Mở rộng diện tích ngô ở các vùng có điều kiện; đẩy mạnh thâm canh, sử dụng giống ngô lai. Dự kiến diện tích khoảng 1,1 triệu ha, tăng trên 70 nghìn ha; sản lượng 4,2 triệu tấn, tăng 400 nghìn tấn.

Phát triển các cây công nghiệp trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng vùng kết hợp áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, hình thành các vùng sản xuất tập trung qui mô lớn gắn với chế biến công nghiệp và thị trường, cụ thể là: ổn định diện tích 490 ngàn ha cà phê; 520 nghìn ha cao su, trong đó trồng mới 20 nghìn ha trong chương trình phát triển 100 nghìn ha ở các tỉnh Tây Nguyên theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; 123 nghìn ha chè; 370 nghìn ha điều; hạt tiêu 49 nghìn ha; lạc 270 nghìn ha; mía 305 nghìn ha; 260 nghìn ha đậu tương.

Trong năm tới mở rộng diện tích các loại cây ăn quả có lợi thế; tập trung xây dựng các vùng nguyên liệu chế biến; riêng đối với nhãn, vải chỉ trồng mới bằng rải vụ, chất lượng cao. Đầu tư phát triển các vùng rau sản xuất tập trung theo công nghệ sạch, chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm. Phát triển măng, nấm, hoa cây cảnh cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Các địa phương cần cân đối, bố trí diện tích đất thoả đáng để xây dựng đồng cỏ thâm canh, phát triển chăn nuôi hàng hoá.

2. Phát triển nhanh ngành chăn nuôi theo hướng chất lượng, hiệu quả trên cơ sở phòng chống tốt các loại dịch bệnh, nhất là dịch cúm gia cầm

Năm 2007 tiếp tục duy trì tốc độ phát triển cao đồng thời tạo ra bước chuyển biến mới theo hướng phát triển hình thức chăn nuôi tập trung kiểu công nghiệp, bán công nghiệp, an toàn dịch bệnh gắn với giết mổ, chế biến tập trung.

Hướng chủ yếu là tập trung phát triển mạnh đàn lợn và đàn bò, đàn trâu thịt. Tiếp tục thực hiện mạnh hơn, rộng khắp hơn Chương trình Cải tạo đàn giống theo hướng lợn nạc hoá, nâng cao tầm vóc đàn bò thịt, trâu thịt chất lượng cao gắn với mở rộng diện tích trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò, trâu thâm canh. Xây dựng các vùng chăn nuôi lợn xuất khẩu, an toàn dịch bệnh gắn với hệ thống giết mổ, chế biến công nghiệp. Chủ động tiêm phòng các dịch bệnh nhất là bệnh LMLM. Dự kiến năm 2007 đàn lợn khoảng 29 triệu con, sản lượng thịt hơi đạt 2,6 triệu tấn, đưa tỷ lệ đàn lợn thịt có tỷ lệ nạc cao lên 42%; đàn bò khoảng 6,6 triệu con, trong đó đàn bò sữa 132 nghìn con; đàn trâu gần 3 triệu con.

Tiếp tục theo dõi sát tình hình dịch cúm gia cầm, kịp thời phát hiện, khống chế, ngăn chặn dịch cúm gia cầm tái phát; tích cực triển khai các biện pháp phòng trừ, hướng dẫn các hộ chăn nuôi thực hiện nghiêm túc các quy định trong phòng chống dịch. Triển khai chương trình chuyển đổi phát triển chăn nuôi gia cầm tập trung, gắn với các biện pháp phòng trừ dịch bệnh. Phát triển mạnh các cơ sở giết mổ tập trung, đảm bảo sản phẩm sạch cho tiêu dùng. Dự kiến đàn gia cầm năm 2007 khoảng 240 triệu con; sản lượng thịt hơi 404 nghìn tấn; 4,7 tỷ quả trứng.

3. Chương trình đẩy mạnh bảo vệ rừng, kinh doanh lâm nghiệp toàn diện, trồng rừng kinh tế và chế biến lâm sản, nhất là hàng lâm sản xuất khẩu

- Hoàn thành rà soát, qui hoạch diện tích 3 loại rừng trên thực địa, nhất là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo tiêu chí mới, tạo điều kiện thuận lợi về đất đai để khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế đẩy mạnh trồng rừng kinh tế, nhất là các vùng rừng nguyên liệu gắn với các cơ sở chế biến bột giấy, giấy, ván nhân tạo, cung cấp gỗ cho sản xuất đồ gỗ xuất khẩu, gỗ xây dựng, gỗ gia dụng. Bộ cùng các địa phương phối hợp với Ngân hàng Đầu tư phát triển để tạo điều kiện cho dân được vay vốn trồng rừng.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ thuộc Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng. Thực hiện tốt việc giao khoán, bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng. Dự kiến năm 2007 trồng rừng tập trung 200 nghìn ha, trong đó 150 nghìn

ha rừng sản xuất; giao khoán bảo vệ rừng 2 triệu ha, khoanh nuôi tái sinh rừng 703 nghìn ha.

- Thực hiện các biện pháp quyết liệt đấu tranh với các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, đồng thời thực hiện các biện pháp đồng bộ để việc bảo vệ rừng có hiệu quả hơn. Cùng với đẩy mạnh giao đất giao rừng phải làm tốt hơn việc đổi mới quản lý các lâm trường quốc doanh; đổi mới và tăng cường lực lượng kiểm lâm.

Năm 2007, bố trí 720 tỷ đồng cho dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, tăng 110 tỷ đồng so với năm 2006.

4. Chương trình đẩy mạnh nâng cao chất lượng muối ăn, đẩy nhanh sản xuất muối sạch, chất lượng cao xuất khẩu và muối công nghiệp thay thế nhập khẩu

Đối với các vùng sản xuất muối ăn, tập trung cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, trước hết hoàn thành các dự án đầu tư dở dang. Tiếp tục cải tiến công nghệ, thiết bị để nâng cao năng suất, giảm cường độ lao động thủ công, hạ giá thành, nâng cao chất lượng muối ăn và tăng sản lượng muối xuất khẩu.

Đối với sản xuất muối công nghiệp, hoàn thiện đầu tư 5 đồng muối công nghiệp hiện có, thúc đẩy nhanh việc đầu tư Dự án muối công nghiệp xuất khẩu Quán Thẻ để sớm đưa vào khai thác sản xuất.

Tăng cường đầu tư cho công tác khuyến diêm; hướng dẫn diêm dân mở rộng mô hình sản xuất muối sạch với năng suất, chất lượng cao; thành lập các HTX cổ phần muối làm đại diện cho diêm dân trong tiêu thụ.

Năm 2007 dự kiến kế hoạch sản xuất 1,1 triệu tấn muối.

5. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, ngành nghề và dịch vụ nông nghiệp

- Tiếp tục rà soát điều chỉnh các chính sách để thu hút mạnh hơn sự đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước vào lĩnh vực chế biến, bảo quản nông lâm sản, cơ điện nông nghiệp và ngành nghề nông thôn. Đặc biệt khuyến khích việc hình thành các doanh nghiệp vừa và nhỏ, sử dụng nhiều lao động và nguồn nguyên liệu địa phương nhằm giải quyết công ăn việc làm và tăng thu nhập cho nông dân.

- Triển khai Chương trình mỗi làng mỗi nghề; hỗ trợ tích cực để phát triển các làng nghề, khuyến khích các hộ gia đình, tư nhân, HTX, doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đa dạng, như chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ, thủy tinh, rèn đúc, cơ khí, may mặc, mây tre... đáp ứng nhu cầu tại chỗ và tham gia xuất khẩu. Năm 2007, đạt kim ngạch xuất khẩu khoảng 700 — 800 triệu USD.

- Thực hiện xã hội hóa dịch vụ ở nông thôn, thu hút sự tham gia của mọi thành phần kinh tế. Phát triển hệ thống khuyến nông, dịch vụ thủy nông, thú y,

bảo vệ thực vật, thông tin liên lạc, văn hóa, xã hội, cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm... để tạo ra khoảng 15% GDP nông thôn.

6. Chương trình phát triển thủy lợi, đê điều và phòng chống lụt bão

a. Tập trung đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi vốn TPCP theo Quyết định 171TTg.

b. Tăng cường giải ngân nguồn vốn ODA các dự án vay vốn của ADB, WB đảm bảo hoàn thành theo tiến độ cam kết của nhà tài trợ.

c. Đối với nguồn vốn ngân sách trong nước:

Mục tiêu năm 2007, đảm bảo tưới cho lúa 6,65 triệu ha/7,3 triệu ha; trong đó vụ Đông xuân 1,84/2,96 triệu ha gieo trồng; vụ Hè thu 1,67/2,35 triệu ha gieo trồng; vụ Mùa 1,6/2 triệu ha gieo trồng. Tưới cho màu và cây công nghiệp 1,6 triệu ha; cung cấp nước cho công nghiệp và dân sinh 5,65 tỷ m³.

Ưu tiên bố trí vốn đối ứng các dự án ODA, các công trình đê điều, đảm bảo an toàn các hồ chứa, hoàn thành các công trình dở dang. Đầu tư mở mới chủ yếu là các công trình đảm bảo an toàn các hồ chứa, đê điều, nạo vét khẩn cấp các đoạn kênh trục phục vụ chống hạn ở vùng ĐBSH. Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình ở các vùng còn khó khăn về nước tưới. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chương trình đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý các công trình thủy lợi.

Xây dựng các phương án chủ động phòng, chống giảm nhẹ thiên tai; tăng cường công tác thường trực phòng chống lũ lụt, hạn hán; kiểm tra phát hiện sớm các sự cố đối với hệ thống đê điều, hồ, đập, các công trình thủy lợi; chủ động ứng phó kịp thời với mọi tình huống, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

7. Chương trình phát triển nông thôn

a. Triển khai các Chương trình phát triển nông thôn mới

- Năm 2007 Bộ yêu cầu các địa phương tập trung chỉ đạo công tác phát triển nông thôn tới tận xã thôn trên cơ sở vận động sự tham gia của người dân kết hợp với sự hướng dẫn, hỗ trợ của Nhà nước. Tiếp tục chỉ đạo và hỗ trợ các mô hình xã điểm với việc lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn.

- Triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới, phát động nông dân chủ động tích cực hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển nông thôn trên địa bàn, trước hết là phối hợp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện môi trường sống, xây dựng đời sống văn hóa mới.

b. Đổi mới quan hệ sản xuất

- Tập trung công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật; hoàn thiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ HTX; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về hợp tác xã và cán bộ HTX. Hoàn chỉnh hệ thống bộ máy quản lý Nhà nước về HTX nông nghiệp từ Trung ương xuống địa phương.

- Dự kiến năm 2007 phát triển mới 200 HTX; số lượng xã viên tăng 3% so với năm 2006; đào tạo bồi dưỡng cho 20% cán bộ chủ chốt HTX đang hoạt động; hướng dẫn các địa phương tiếp tục xây dựng 200 mô hình về HTX cung cấp dịch vụ; số lượng tổ hợp tác trong nông nghiệp tăng 5%, đưa số tổ hợp tác lên 110 nghìn tổ.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách tạo động lực và các điều kiện thuận lợi thúc đẩy kinh tế hộ phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá với trình độ ngày càng cao và quy mô ngày càng mở rộng, hình thành các trang trại, gia trại. Dự kiến năm 2007 thành lập thêm 6.000 trang trại; chỉ đạo các địa phương xúc tiến nhanh việc cấp giấy chứng nhận trang trại cho những trang trại đủ điều kiện.

- Xây dựng và triển khai đề án phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nông nghiệp, nông thôn.

- Hoàn thành việc phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh trên phạm vi cả nước; đôn đốc, chỉ đạo thực hiện phương án sắp xếp, chuyển đổi theo đề án được Chính phủ phê duyệt đối với từng nông lâm trường. Đây là một công việc phức tạp, đòi hỏi nhiều thời gian, đề nghị các địa phương tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Triển khai, thực hiện xong việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao năng lực hoạt động các doanh nghiệp nhà nước, chủ yếu theo hướng cổ phần hoá, bán, khoán, cho thuê, giải thể...

C. Quy hoạch và điều chỉnh dân cư

- Nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch 2007 là: Nghiên cứu, điều chỉnh cơ chế, chính sách về di dân (Quyết định 190 và Thông tư hướng dẫn); ưu tiên bố trí dân cư cho vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, hải đảo, vùng xung yếu và rất xung yếu, vùng bảo vệ nghiêm ngặt của rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Thực hiện các dự án bố trí dân cư biên giới Việt — Trung; hạn chế dân di cư tự do và ổn định cho dân di cư đã đến trên địa bàn.

- Dự kiến năm 2007 bố trí, sắp xếp 20.000 hộ; trong đó vùng thiên tai và quá khó khăn 10.000 hộ, biên giới, hải đảo 2.500 hộ, vùng xung yếu, rất xung yếu, vùng bảo vệ nghiêm ngặt của rừng phòng hộ, đặc dụng 500 hộ, sắp xếp dân cư tự do 7.000 hộ.

d. Di dân, tái định cư công trình thuỷ điện Sơn La

- Xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu (điểm) tái định cư.
- Tổ chức di dân, tái định cư cho 7.015 hộ.

e. Thực hiện Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Mục tiêu năm 2007 nâng tỷ lệ hộ nông thôn được sử dụng nước sạch đạt 70%. Tập trung ưu tiên Vùng Trung du miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, vùng khô hạn nhiễm mặn miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long.

Triển khai kế hoạch về vệ sinh môi trường nông thôn. Dự kiến tăng thêm tỷ lệ số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh 2%; đưa tỷ lệ số hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh lên 54%.

Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng chính sách xã hội, tạo thêm nguồn vốn đầu tư các công trình cấp nước tập trung, bảo đảm chất lượng nước và công trình gắn với cơ chế vận hành bảo dưỡng theo yêu cầu hoạt động ổn định và bền vững. Mở rộng hình thức xã hội hoá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Thúc đẩy mạnh mẽ việc nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ làm cơ sở tăng nhanh năng suất - chất lượng - hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông, lâm nghiệp

- Tiếp tục chương trình sắp xếp các Viện và tổ chức nghiên cứu khoa học trực thuộc Bộ. Thực hiện tốt kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản cho các Viện, Trường, nhất là dự án vay vốn của ADB.

- Các địa phương phối hợp với các cơ quan ở trung ương thực hiện tốt các dự án giống giai đoạn 2 để có nhiều giống chất lượng tốt chuyển giao cho nông dân.

- Đổi mới cơ chế quản lý khoa học nhằm nâng cao hiệu quả nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ cho nông dân; gắn kết các nhà khoa học với doanh nghiệp và nông dân. Mỗi Viện hàng năm phải có sản phẩm khoa học cụ thể chuyển giao cho nông dân áp dụng có hiệu quả trên diện rộng.

- Tập trung vào nghiên cứu chọn tạo các giống cây trồng, giống vật nuôi có năng suất và chất lượng cao phù hợp với các vùng sinh thái, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học; đặc biệt chú ý giống lúa thuần và lúa lai cho miền Bắc, cây trồng chịu hạn cho miền Trung, giống cây ăn quả, cây lâm nghiệp. Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật thâm canh, đảm bảo chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm, hạ giá thành. Phát triển công nghệ sau thu hoạch. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn trong việc chuyển đổi sản xuất nông lâm nghiệp và kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Nghiên cứu về những vấn đề kinh tế, quản lý trong cơ chế thị trường, nhất là nghiên cứu thị trường nông sản trong và ngoài nước.

- Tăng cường hệ thống khuyến nông làm cơ sở. Đảm bảo mỗi xã có ít nhất 1 cán bộ khuyến nông; khuyến khích phát triển các câu lạc bộ khuyến nông xã, thôn; mở rộng các hình thức chuyển giao tiến bộ kỹ thuật bằng kênh truyền hình, trình diễn mô hình, hội chợ, triển lãm, tờ rơi, tập huấn ngắn ngày... tạo điều kiện để nông dân tiếp cận nhanh khoa học công nghệ mới.

- Tăng cường hệ thống bảo vệ thực vật, thú y từ nghiên cứu, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công tác dự tính dự báo, theo dõi, phát hiện giám sát và chủ động phòng chống dịch, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho dân, khắc phục nhanh thiên tai dịch bệnh, sớm ổn định sản xuất.

Năm 2007, tiến hành thí điểm đơn vị nghiên cứu tự trang trải về tài chính.

2. Nâng cao hiệu quả đầu tư từ nguồn vốn của Nhà nước, chống thất thoát, dàn trải, kéo dài; huy động cao các nguồn vốn khác đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn

a. Về sử dụng vốn của Nhà nước:

Năm 2007, Bộ Nông nghiệp và PTNT được giao quản lý vốn ngân sách 2.125 tỷ đồng, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư phát triển thủy lợi 3.292 tỷ đồng. Hướng bố trí và sử dụng các nguồn vốn này như sau:

- Đối với thủy lợi: Đầu tư 1.236 tỷ đồng vốn ngân sách và 3.292 tỷ đồng vốn trái phiếu Chính phủ. Đề nghị các địa phương phối hợp chặt chẽ với các đơn vị của Bộ làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, nhất là các công trình trái phiếu Chính phủ và công trình sử dụng nguồn vốn ODA. Hoàn thành các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước đã quá hạn.

- Đối với nông nghiệp: Đầu tư 298,2 tỷ đồng, tập trung hoàn thành cơ bản dự án chè và cây ăn quả (20 tỷ); dự án khắc phục khẩn cấp dịch cúm gia cầm: 24 tỷ. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Chương trình phát triển ngành Nông nghiệp vốn vay của ADB đầu tư cho khối Viện, Trường 239 tỷ đồng. Khởi công dự án ODA mới: Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai năm 2005 (200 tỷ).

- Đối với lâm nghiệp bố trí 210 tỷ đồng. Ưu tiên vốn cho các dự án nhóm A, B vốn vay của WB và JBIC. Đầu tư và chuẩn bị tốt các dự án: Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng Kiểm lâm; Bảo vệ rừng và phát triển những vùng đất ngập nước ven biển Nam bộ; Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn các tỉnh miền Trung; Phát triển lâm nghiệp và cải thiện đời sống đồng bào Tây Nguyên (vay ADB), Phát triển lâm nghiệp 2 tỉnh Hòa Bình, Sơn La,...Đồng thời tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Dự án Trồng mới 5 triệu ha rừng (720 tỷ đồng).

- Đầu tư phát triển diêm nghiệp: Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng muối; từng bước hiện đại hóa đồng muối sản xuất; thông qua các HTX đầu tư hệ thống kho để mua muối đưa vào tạm trữ chờ tiêu thụ; hiện đại hóa các cơ sở chế biến muối tinh, muối Iốt.

Bộ sẽ giao sớm chỉ tiêu kế hoạch để các chủ dự án chủ động triển khai thực hiện. Các chủ dự án, các địa phương đôn đốc các tư vấn thực hiện các thủ tục trình, phê duyệt đúng tiến độ; đồng thời các cơ quan tham mưu của Bộ phải tăng cường công tác hướng dẫn, xem xét giải quyết các thủ tục giấy tờ theo đúng qui định của Bộ.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đầu tư, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả; kiên quyết thực hiện các biện pháp chống thất thoát vốn.

b. Tiếp tục hoàn thiện và bổ sung chính sách huy động có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Điều chỉnh chính sách khuyến khích đầu tư tư nhân trong và ngoài nước vào lĩnh vực nông nghiệp, các ngành sản xuất và dịch vụ ở các vùng nông thôn, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc giao đất, khoán rừng trong lâm nghiệp; khuyến khích nhân dân tham gia bảo vệ rừng tự nhiên và phát triển rừng kinh tế.

- Triển khai thực hiện tốt các quy định mới về đất đai. Nghiên cứu đề xuất với Chính phủ chính sách hỗ trợ nông dân mở rộng ngành nghề mới khi nhà nước thu hồi đất.

- Hình thành các chương trình tín dụng, hỗ trợ nông dân và các doanh nghiệp được tiếp cận và vay vốn thuận lợi hơn từ các nguồn tín dụng.

3. Chương trình xúc tiến thương mại, hội nhập kinh tế quốc tế

- Tiếp tục nỗ lực phát triển và khai thác có hiệu quả thị trường trong nước.

- Hỗ trợ và hướng dẫn các doanh nghiệp, các tổ chức, hộ ngành nghề nông thôn mở rộng thị trường xuất khẩu nông lâm sản; phối hợp với các địa phương tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại; xây dựng và quản lý chất lượng nông sản hàng hóa, hướng dẫn các doanh nghiệp đăng ký và bảo vệ thương hiệu hàng hóa.

- Phối hợp giữa các Bộ ngành liên quan, chuẩn bị tích cực cho việc thực hiện cam kết quốc tế và khu vực, điều chỉnh cơ chế, chính sách thương mại phù hợp tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tăng cường công tác đào tạo và phổ biến đến các doanh nghiệp và bà con nông dân các kiến thức về thị trường, xúc tiến thương mại, quy định quốc tế và cam kết trong hội nhập trước các cơ hội và thách thức do lộ trình giảm thuế, mở cửa thị trường.

4. Chương trình đào tạo đảm bảo nguồn nhân lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Đẩy mạnh việc huấn luyện kỹ thuật sản xuất cho nông dân thông qua tập huấn ngắn hạn, các lớp khuyến nông và các loại hình đào tạo khác. Mở rộng các trường đào tạo nghề, đa dạng hình thức đào tạo để dạy nghề cho lao động nông thôn làm công nghiệp và dịch vụ. Đào tạo cán bộ quản lý, trước hết là cán bộ HTX, chủ trang trại, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Tiếp tục thực hiện chương trình lựa chọn các cán bộ trẻ học giỏi, có tâm huyết gửi đi đào tạo chuyên ngành ở các nước chuẩn bị cho lực lượng cán bộ khoa học, kỹ thuật, quản lý có trình độ cao của ngành trong tương lai.

5. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới và tăng cường công tác quản lý nhà nước ngành nông nghiệp, tổ chức thực hiện tốt các Luật về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí

a. Về cải cách hành chính và tăng cường quản lý ngành:

Hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước toàn ngành, thống nhất từ Bộ xuống địa phương đảm bảo sự chỉ đạo nhanh, nhạy, thông suốt, chủ động và hiệu quả. Tăng cường bộ máy quản lý và kỹ thuật ở cấp xã (nhất là khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, kiểm lâm).

Tăng cường phân cấp cho cấp tỉnh, thành phố, đầu tư phát triển và quản lý các cơ sở công nghiệp chế biến, các hệ thống thủy lợi, dịch vụ gắn với địa bàn sản xuất để chỉ đạo sâu sát, chủ động, kịp thời, tạo hành lang thông suốt từ sản xuất, chế biến tới thị trường; Bộ sẽ tập trung vào làm tốt công tác quản lý vĩ mô, tổ chức phát triển khoa học công nghệ và thị trường. Tiếp tục thực hiện việc phân công, phân cấp, đổi mới lề lối làm việc của các cơ quan thuộc Bộ đáp ứng nhanh nhạy hơn các yêu cầu của địa phương và nhân dân.

Tập trung hơn nữa cho công tác nghiên cứu xây dựng hệ thống luật và cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, đảm bảo cho nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững và hiệu quả.

b. Về thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Các địa phương, đơn vị có kế hoạch hành động cụ thể theo hướng dẫn của Chính phủ và Bộ. Tổ chức tuyên truyền phổ biến 2 Luật này tới cán bộ CNVC toàn ngành. Lựa chọn một số nội dung để tập trung chỉ đạo quyết liệt năm 2007 để tạo ra sự chuyển biến rõ nét, trước hết trong các lĩnh vực:

- Quản lý đất đai;
- Quản lý vốn và xây dựng cơ bản.

Có biện pháp cụ thể để thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong các lĩnh vực sử dụng xe ô tô và tài sản công, sử dụng điện, hội họp.

IV. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2007 của Ngành:

- Hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh, hướng dẫn triển khai thực hiện; hình thành các chương trình dự án cụ thể để triển khai thực hiện trong năm 2007 và các năm tiếp theo.

- Tăng cường bộ máy quản lý ngành để đảm bảo thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý ngành.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, nhất là về chất lượng nông sản và vật tư nông nghiệp; quản lý đất đai và các nguồn vốn, chống thất thoát lãng phí.

2. Các Cục, Vụ, Ban, Trung tâm trực thuộc Bộ, theo chức năng xây dựng chương trình hành động cụ thể để triển khai thực hiện kế hoạch, đặc biệt chú trọng chỉ đạo kiện toàn hệ thống mạng lưới quản lý chuyên ngành; tổ chức tốt công tác thống kê và thông tin kinh tế cấp tỉnh (Sở). Tăng cường sự phối hợp chặt

chẽ với các địa phương, các Tổng công ty, Công ty, Viện, Trường giải quyết các vấn đề bức xúc, tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra thực hiện kế hoạch, giám sát đầu tư, đảm bảo đầu tư đúng mục tiêu, chế độ, chống các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, gây phiền hà cho cơ sở.

3. Các Viện, Trường tập trung nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi, kỹ thuật canh tác, công nghệ sau thu hoạch... Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ địa phương, cán bộ HTX, chủ trang trại, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, cán bộ kiểm lâm; góp phần cùng địa phương đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhằm thực hiện có hiệu quả kế hoạch sản xuất năm 2007 của toàn ngành.

4. Các doanh nghiệp nhà nước, bao gồm cả nông, lâm trường quốc doanh chủ động hoàn thành sớm kế hoạch sắp xếp, đổi mới, cổ phần hoá, nâng cao năng lực hoạt động; cùng với hệ thống doanh nghiệp chung cả nước góp phần thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và cung ứng vật tư cho nông dân, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng cơ bản.

*

* *

Năm 2007 là năm thứ hai của kế hoạch 5 năm 2006 — 2010, việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra sẽ tạo tiền đề quan trọng cho các năm tiếp theo và kế hoạch 5 năm phát triển ngành. Bên cạnh những thuận lợi hết sức cơ bản, nhưng cũng không ít những khó khăn, thách thức, với những thành quả và kinh nghiệm của hơn 20 năm đổi mới, sự quyết tâm cao của nông dân cả nước và sự chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên của Chính phủ, các ngành các cấp, chúng ta tin tưởng năm 2007 sẽ tiếp tục là năm thắng lợi toàn diện, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển kinh tế — xã hội của đất nước.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

